TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2019/HS-ST
Ngày: 05/07/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*** : Ông Phạm Thế Anh.

- ***Các Hội thẩm nhân dân*** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/HSST ngày 07 tháng 06 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HS ngày21/06/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ánh H, sinh năm 1965 tại xã L, huyện K; ĐKHKTT và trú tại: xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Bố đẻ: Phạm Nghĩa C sinh năm 1931 (đã chết); Mẹ đẻ Nguyễn Thị N sinh năm 1941 (đã chết); Vợ là Hoàng Thị H sinh năm 1975; Con: chưa có con

Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " cấm đi khỏi nơi cư trú" (cú mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn Đ, sinh năm 1978 tại xã N, huyện N; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Bố đẻ: Phạm Tiến Đ sinh năm 1954; mẹ đẻ: Bùi Thị N sinh năm 1955; Vợ là Bùi Thị T sinh năm 1983; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " cấm đi khỏi nơi cư trú" (có mặt tại phiên tòa).

3. Phạm Hồng T (tên gọi khác : Phạm Văn T); sinh năm 1957 tại xã Y huyện K; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề

nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 2/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Bố đẻ: Phạm Văn N (đã chết); mẹ đẻ: Ngô Thị N (đã chết); Vợ là Phạm Thị C sinh năm 1961; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không. Lịch sử bản thân:

- Tại Quyết định số 10 ngày 07/10/2005, Công an xã Y huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 150.000đ về hành vi "Đánh bạc". Chấp hành xong ngày 11/10/2005.

- Tại bản án số 37/HSST ngày 22/11/2007 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, phạt bổ sung 4.000.000đ và 50.000đ tiền án phí về tội "Đánh bạc". Đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, ngày 23/5/2012 chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí.

- Tại bản án số 32/2012/HSST ngày 07/9/2012 Tòa án nhân dân huyện K tỉnh Ninh Bình xử phạt 5.000.000đ và 200.000đ tiền án phí về tội "Đánh bạc". Chấp hành xong tiền phạt và án phí ngày 13/11/2012.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " cấm đi khỏi nơi cư trú" (có mặt tại phiên tòa).

4. Bùi Văn Q, sinh năm 1974 tại xã L, huyện K; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Bố đẻ: Bùi Văn H (đã chết); mẹ đẻ: Lê Thị D, sinh năm 1948; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Lịch sử bản thân:

- Tại bản án số 17/HSST ngày 27/5/1997 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và 100.000đ tiền án phí hình sự và dân sự. Đó chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 06/3/2013.

- Tại bản án số 03/HSST ngày 06/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" truy thu 3.000.000đ, bồi thường dân sự 700.000đ và 100.000đ tiền án phí hình sự và dân sự. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 04/09/2014.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " cấm đi khỏi nơi cư trú" (cú mặt tại phiên tòa).

5. Vũ Văn T, sinh năm 1958 tại xó N, huyện N ; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Bố đẻ Vũ Văn C sinh năm 1924 (đó chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị M sinh năm 1924; Vợ: Trần Thị Đ sinh năm 1961; con : có 02 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " cấm đi khỏi nơi cư trú" (cú mặt tại phiên tòa).

6. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1965 tại xó N, huyện N; ĐKHKTT: Tổ dân phố H 3, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; hiện nay cư trú tại: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa 10/10; dân tộc: kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Bố đẻ: Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1920 (đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1923 (đã chết); Vợ: Phạm Thị Minh C, sinh năm 1971; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1991.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bảo lĩnh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

+ Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1962; Địa chỉ: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1952; Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

+ Ông Đoàn Cao T, sinh năm 1964; Địa chỉ: xóm 11 , xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1963; Địa chỉ: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Chiều ngày 24/01/2019, Phan Văn H, Vũ Ngọc T, Nguyễn Ngọc Tàu và Đoàn Cao T đến nhà ông Phạm Nghĩa C sinh năm 1931 trú tại xóm 11, xã L, huyện K thăm ông đang bị ốm rồi ngồi nói chuyện với Phạm Ánh H (là con trai đang ở nhà chăm sóc và quản lý tài sản của ông C). Khoảng 13 giờ 30 phút, H nói với mọi người "Các anh có làm tý chắn cho vui không" thì tất cả đồng ý, sau đó bốn người ra ngồi ở trên giường ngoài hiên góc Tây – Nam rồi H đi lấy 01 đĩa sứ và 01 bộ chắn 96 quân mang ra để ở dưới chiếu cho mọi người đánh chắn, tiếp đó H đi lấy 01 chiếc hộp giấy hình hộp chữ nhật KT 10,5 x 10,5 x 17,7cm để ở dưới chiếu chỗ mọi người nói "Ai ăn được ván nào to thì bỏ vào đây 10.000đ để trả tiền nước, thuốc".

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Văn Q đến nhà ông C chơi thấy mọi người đang đánh bài nên đứng ngoài xem sau đó lần lượt Nguyễn Văn B, Phạm Văn Đ và Vũ Văn T cũng đến nhà chơi và thăm ông C thì H nói "Các anh có làm tý chắn không thì ngồi luôn trong nhà". Thấy mọi người đồng ý, H lấy chiếu trải xuống nền nhà gian phòng khách, lấy 01 đĩa sứ và 01 bộ chắn 96 quân mang ra để ở dưới chiếu để cho Bùi Văn Q, Nguyễn Văn B, Phạm Văn Đ và Vũ Văn T đánh chắn, tiếp đó H đi lấy 01 vỏ hộp sữa nhãn hiệu Ensure hình trụ cao 12cm, đường kính 10,3cm bỏ xuống chiếu nói "Ván nào ai ăn được nhiều tiền thì bỏ vào đây 10.000đ để lấy tiền chè, thuốc". Lúc mọi người đang chơi thì Phạm Hồng T cũng đến nhà thăm ông C rồi ngồi đánh cờ vui với ông Phạm Xuân T sinh năm 1962 trú

tại xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (là con trai ông C). Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Vũ Văn T thua hết tiền nên nghỉ đi về nhà thì T vào đánh thay T tiếp tục chơi.

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày khi cả hai nhóm đang ngồi đánh bạc thì bị Công an huyện K phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính. Thu giữ trên chiếu bạc ở ngoài hiên (chiếu 1) số tiền 1.310.000đ; trong hộp giấy có 130.000đ; 01 đĩa sứ; 01 bộ chắn 96 quân; 05 điện thoại di động các loại; 02 ví da và 17.000.000đ trên người (H 13.200.000đ, T 700.000đ, T 2.100.000, T 1.000.000).

Thu giữ trên chiếu bạc ở trong nhà (chiếu 2) số tiền 1.980.000đ; trong hộp sữa có 10.000đ; 01 đĩa sứ; 01 bộ chắn 96 quân; 04 điện thoại di động các loại; 02 ví da và 4.700.000đ trên người (Đ 3.700.000đ, Q 500.000đ, T 500.000).

Qúa trình điều tra xác định: Tại chiếu 1 ngoài tiền thu giữ trên chiếu bạc 1.310.000đ; trong tổng số tiền 17.000.000đ thu trên người các đối tượng xác định có 1.900.000đ sử dụng vào việc đánh bạc (cụ thể H 200.000đ, T 700.000đ, Tuyến 1.000.000đ). Như vậy, tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc ở chiếu 1 là 3.340.000đ (1.900.000đ thu giữ trên người + tiền thu giữ trên chiếu bạc 1.310.000đ + tiền thu giữ trong hộp giấy)

Qúa trình điều tra xác định: Tại chiếu 2 ngoài tiền thu giữ trên chiếu bạc số tiền số tiền 1.980.000đ+ trong hộp sữa 10.000đ. Trong tổng số tiền 4.700.000đ thu trên người các đối tượng xác định có 4.200.000đ sử dụng vào việc đánh bạc (cụ thể Đ 3.700.000đ, Q 500.000đ). Như vậy, tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc ở chiếu 02 là 6.190.000đ. Phạm Hồng T là người đến sau đánh thay T và chỉ sử dụng 210.000đ vào việc đánh bạc.

Trong qúa trình điều tra Phạm Ánh H, Phạm Hồng T, Bùi Văn Q, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc T, Phan Văn H, Đoàn Cao T và Vũ Ngọc T đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội.

Ngày 27/5/2019, Nguyễn Văn B giao nộp cho Viện kiểm sát 01 giấy ra viện, 01 sổ khám bệnh và 02 huy chương kháng chiến hạng nhì mang tên ông Nguyễn Kim Đ (bố đẻ). Ngày 29/5/2019, Phạm Văn Đ giao nộp cho Viện kiểm sát 03 huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba mang tên ông Phạm Tiến Đ (bố đẻ).

Quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã trả lại cho Phan Văn H số tiền 13.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7; Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko và 01 ví da; Đoàn Cao T số tiền 2.100.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA–1034; Vũ Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và 01 ví da.

Số tiền 10.030.000đ (trong đó 9.530.000đ là tiền đánh bạc, 500.000 thu trên người Phạm Hồng T) 02 đĩa sứ; 02 bộ chắn mỗi bộ 96 quân; 02 chiếu cói; 04 điện thoại di động các loại; 02 ví da; 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật KT 10,5 x 10,5 x 17,7cm và 01 vỏ hộp sữa nhãn hiệu Ensure hình trụ cao 12cm, đường kính 10,3cm được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục THADS huyện K giải quyết cùng vụ án.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 06/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đó truy tố các bị cáo, Phạm Hồng T, Bùi Văn Q, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Nguyễn Văn B về tội "Đánh bạc" theo khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015; Truy tố bị cáo Phạm Ánh H phạm tội "Gá bạc" quy định tại Điểm b, Khoản 1, 3 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Phạm Hồng T, Bùi Văn Q, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Nguyễn Văn B phạm tội "Đánh bạc". Bị cáo Phạm Ánh Hồng phạm tội "Gá bạc" .

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Hồng T từ 25 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 23 đến 28 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 23 đến 28 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 phạt bị cáo Vũ Văn T từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1, 3 Điều 322; điểm s, x khoản 1 Điều 51, 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Ánh H từ 12-15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 – 30 tháng kể từ ngày tuyên án; xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Ánh H từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Giao bị các cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Khoản 2, Điều 106; khoản 2, 3 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH14.

+ Tịch thu số tiền 9.530.000đ là tiền đánh bạc của các đối tượng sung quỹ nhà nước.

+ Số tiền 500.000 đ thu trên người bị cáo T không dùng để đánh bạc trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 đĩa sứ; 02 bộ chắn mỗi bộ 96 quân; 02 chiếu cói; 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật KT 10,5 x 10,5 x 17,7cm và 01 vỏ hộp sữa nhãn hiệu Ensure hình trụ cao 12cm, đường kính 10,3cm.

+ Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động Sam Sung J2 màu vàng đó qua sử dụng; bị cáo B 01 điện thoại di động Nokia 1280 sê ri 359748048112305 đã qua sử dụng và 01 vớ da mầu nâu đã cũ; bị cáo Q 01 điện thoại di động Nokia 1280 sê ri 355923048686896 đó qua sử dụng; bị cáo T 01 điện thoại di động Nikia 126 đó qua sử dụng và 01 vớ da mầu nâu đã cũ.

+ Buộc bị cáo T, Đ, T, B phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí cho bị cáo Q, H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đó thực hiện chiều ngày 24/01/2018 như tóm tắt nội dung vụ án của tòa án. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản vi phạm hành chính lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 24/01/2019, lời khai của người liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ là số tiền 6.190.000đ.đồng và dụng cụ dùng để đánh bạc là 02 bộ bài " chắn" 96 quân; 02 đĩa sứ.

[2] Từ những chứng cứ đó, đó cú đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 24/01/2019, Vũ Văn T, Nguyễn Văn B, Bùi Văn Q , Phạm Văn Đ và Phạm Hồng T đã có hành vi "Đánh bạc" được thua bằng tiền bằng hình thức chơi "Chắn" ; với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.190.000đ các bị cáo đó phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hỡnh sự.

Hành vi của bị cáo Phạm Ánh H trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 24/01/2019, tại nhà ông Phạm Nghĩa C ở xóm 11, xã L, huyện K Phạm Ánh H là người đang có trách nhiệm quản lý, trông coi tài sản đã có hành vi rủ rê, chuẩn bị công cụ cho 02 chiếu bạc với số tiền huy động vào việc đánh bạc là 9.530.000đ và đó được hưởng lợi bất chính số tiền 140.000đ của các đối tượng đánh bạc trả đó phạm tội "Gá bạc" quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 322 Bộ luật hỡnh sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[4] Trong vụ án này HĐXX thấy: Các bị cáo phạm tội " đánh bạc" thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có đông bị cáo tham gia nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

Đối với bị cáo Phạm Hồng T có số tiền sử dụng ít nhất đồng thời là người tham gia đánh bạc sau cùng nhưng nhân thân nhiều lần bị pháp luật xử phạt về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, khi H khởi xướng việc chơi bạc biết việc đó là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà tiếp tục phạm tội giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Bùi Văn Q nhân thân nhiều lần bị pháp luật xử phạt về hành vi trộm cắp nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, khi H khởi xướng việc chơi bạc biết việc đó là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà tham gia phạm tội, tính chất mức độ của hành vi của bị cáo này giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Văn Đ tuy nhân thân chưa vi phạm pháp luật lần nào là đối tượng sử dụng số tiền lớn nhất trong nhóm tham gia đánh bạc, tham gia đánh bạc ngay từ đầu thể hiện việc tích cực phạm tội tính chất mức độ của hành vi của bị cáo ngang với bị cáo Q, giữ vai trũ thứ hai trong vụ án.

Đối với hai bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn B tham gia đánh bạc ngay từ đầu khi được rủ rê; nhưng nhân thân hai bị cáo chưa vi phạm lần nào, số tiền huy động đánh bạc ít ; tính chất mức độ của hành vi của hai bị cáo này giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Ánh H là đối chủ động rủ rê, dùng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình lập 02 chiếu bạc để cho 09 bị cáo đánh bạc nhằm thu lợi bất chính cần phải xử lý nghiêm.

[5] Về cỏc tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s, khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Văn Đ và Vũ Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, Điều 51 BLHS.

Bị cỏo Phạm Ánh H cú quá trình tham gia quõn đội, làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào được tặng thưởng giấy khen và huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3 là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Bùi Văn Q là hộ cận nghèo là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51BLHS

[7] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với người lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; đồng phạm với vai trò thứ yếu thỡ thấy rằng:

Đối với các bị cáo Phạm Hồng T , Bùi Văn Q Nguyễn Văn B, Phạm Văn Đ và Vũ Văn T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Ánh H phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, chủ động rủ rê dùng địa điểm thuộc quản lý của mình lập 02 chiếu bạc để cho 09 bị cáo đánh bạc nhằm thu lợi bất chính cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; lần đầu phạm tội và số tiền thu lợi bất chính không lớn; để điều kiện áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương đối với bị cáo cũng đủ

giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để tăng tính nghiêm minh.

[8] Đối với các anh Phan Văn H, Vũ Ngọc T, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Cao T là người tham gia đánh bạc nhưng số tiền huy động để đánh bạc của những người này chưa đủ định lượng để truy tố về tội đánh bạc, cơ quan điều tra đó xử phạt hành chính với họ là phù hợp. Mặc dù không phạm tội nhưng chưa thực hiện đúng nghĩa vụ công dân của mình cần nhắc nhở các anh thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã trả lại cho Phan Văn H số tiền 13.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7; Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko và 01 ví da; Đoàn Cao T số tiền 2.100.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA–1034; Vũ Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và 01 ví da. Việc trả lại các vật chứng trên là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 106 BLHS. HĐXX không xem xét lại.

Đối với số tiền 6.190.000đ là tiền huy động vào việc đánh bạc của các bị cáo T, B, Q, T, Đ cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 3.340.000đ là tiền của các anh Phan Văn H, Vũ Ngọc T, Nguyễn Ngọc T, Đoàn Cao T xử dụng vào việc đánh bạc thu giữ trong cùng vụ án cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 500.000 đ thu trên người bị cáo T không dùng để đánh bạc cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 đĩa sứ; 02 bộ chắn mỗi bộ 96 quân; 02 chiếu cói; 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật KT 10,5 x 10,5 x 17,7cm và 01 vỏ hộp sữa nhãn hiệu Ensure hình trụ cao 12cm, đường kính 10,3cm là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 điện thoại di động cũ; 02 ví da các loại không dùng để đánh bạc, không liên quan đến việc đánh bạc cần trả lại cho bị cáo.

[10]Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc bị cáo Bùi Văn Q, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST. Bị cáo H là người có công với cách mạng được miễn án phí. Bị cáo B thuộc hộ cận nghèo, Phạm Hồng T là người cao tuổi được miễn án phí.

[11] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hồng T, Bùi Văn Q, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Nguyễn Văn B phạm tội "Đánh bạc". Bị cáo Phạm Ánh Hồng phạm tội "Gá bạc" .

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Hồng T 26 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 24 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 22 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Văn T 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 và 3 Điều 322; điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Ánh H 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tùa của bán án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục; gia đỡnh bị cáo cú trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hỡnh sự.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015 Điều 47 BLHS

- Tịch thu số tiền 9.530.000đ sung quỹ nhà nước.

- Trả lại số tiền 500.000 đ cho bị cáo T nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 02 đĩa sứ; 02 bộ chắn mỗi bộ 96 quân; 02 chiếu cói; 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật KT 10,5 x 10,5 x 17,7cm và 01 vỏ hộp sữa nhãn hiệu Ensure hình trụ cao 12cm, đường kính 10,3cm.

- Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động Sam Sung J2 màu vàng đó qua sử dụng; bị cáo B 01 điện thoại di động Nokia 1280 sê ri 359748048112305 đó qua sử dụng và 01 vớ da mầu nâu đã cũ; bị cáo Q 01 điện thoại di động Nokia 1280 sê ri 355923048686896 đã qua sử dụng; bị cáo T 01 điện thoại di động Nikia 126 đó qua sử dụng và 01 vớ da mầu nâu đã cũ. (chi tiết vật chứng như trong biên bản giao – nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 07/6/2019)

3. Án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí HSST cho bị cáo Phạm Ánh H, Phạm Hồng T và Bùi Văn Q.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã L, N, N, Y
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà
Phạm Thế Anh
(Đã ký)